CTCP CIC39 (HSX: C32)

FireAnt

Ngày 31/03/2024	18,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.7%	**7.1%**	**4.3%**

ROE 2023: **-4.8%** | +/- YoY ▼ 8.3%

DT thuần *Q1/24*: **164** *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 21.0 ▲ 14.4% | YoY ▲ 67.2 ▲ 69.0%

DT thuần *2023*: **494** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 78.0 ▼ 13.6%

LN gộp *Q1/24*: **11.2** *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 0.40 ▲ 3.2% | YoY ▼ 0.70 ▼ 6.3%

LN gộp *2023*: **47.4** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 14.3 ▼ 23.2%

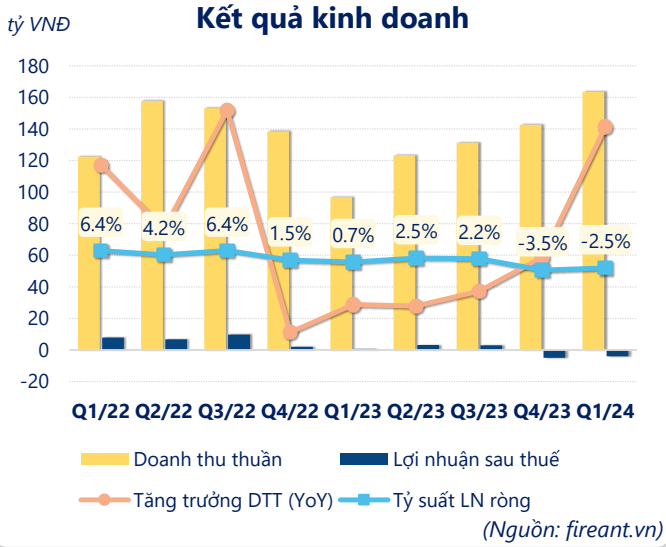
LN thuần *Q1/24*: **-4.86** *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 0.49 ▲ 9.2% | YoY ▼ 5.40 ▼ 1000%

LN thuần *2023*: **-28.2** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 44.7 ▼ 271%

LN sau thuế *Q1/24*: **-4.07** *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 0.96 ▲ 19.0% | YoY ▼ 4.70 ▼ 746%

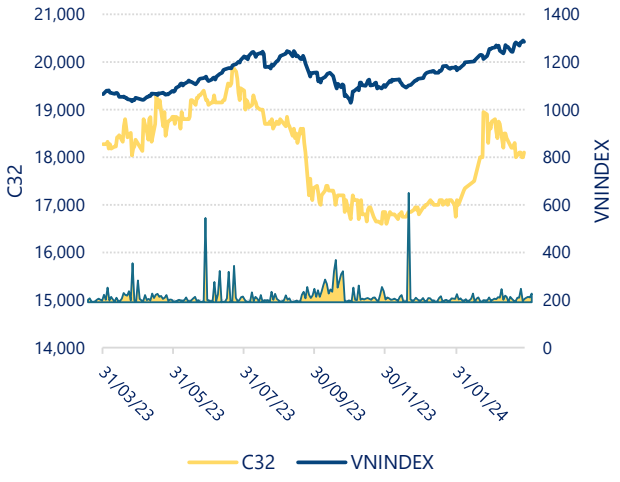
LN sau thuế *2023*: **-27.0** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 47.5 ▼ 232%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

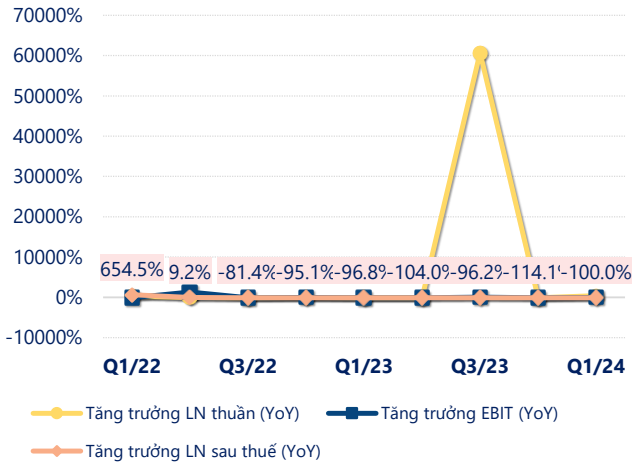
Lịch sử giá



CTCP CIC39 (HSX: C32)

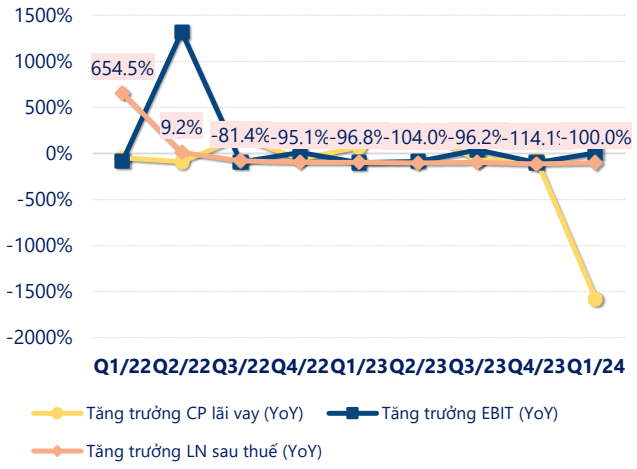
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



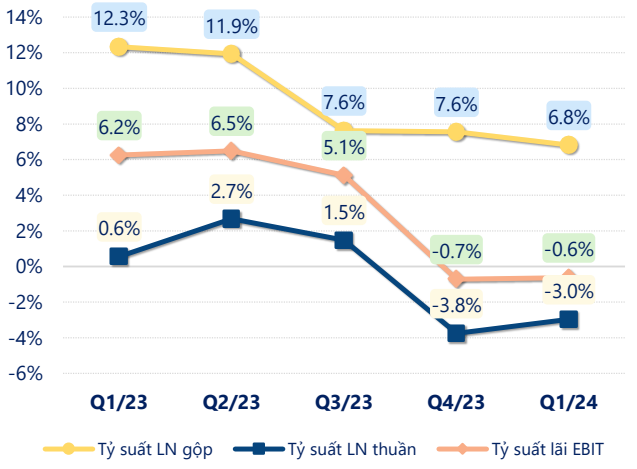
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



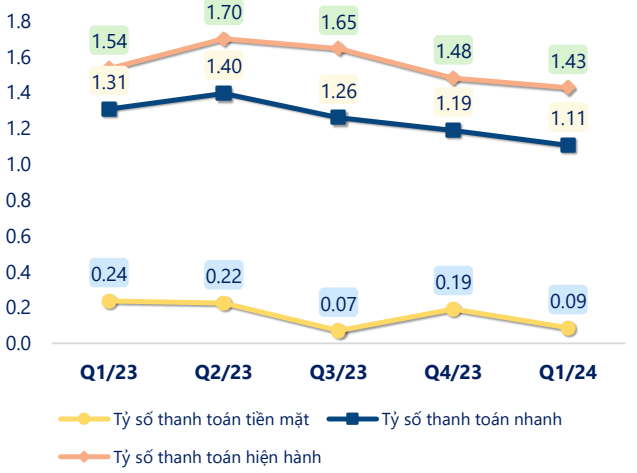
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



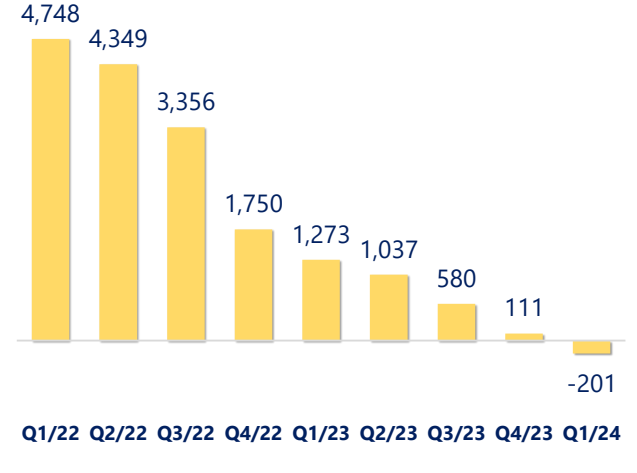
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

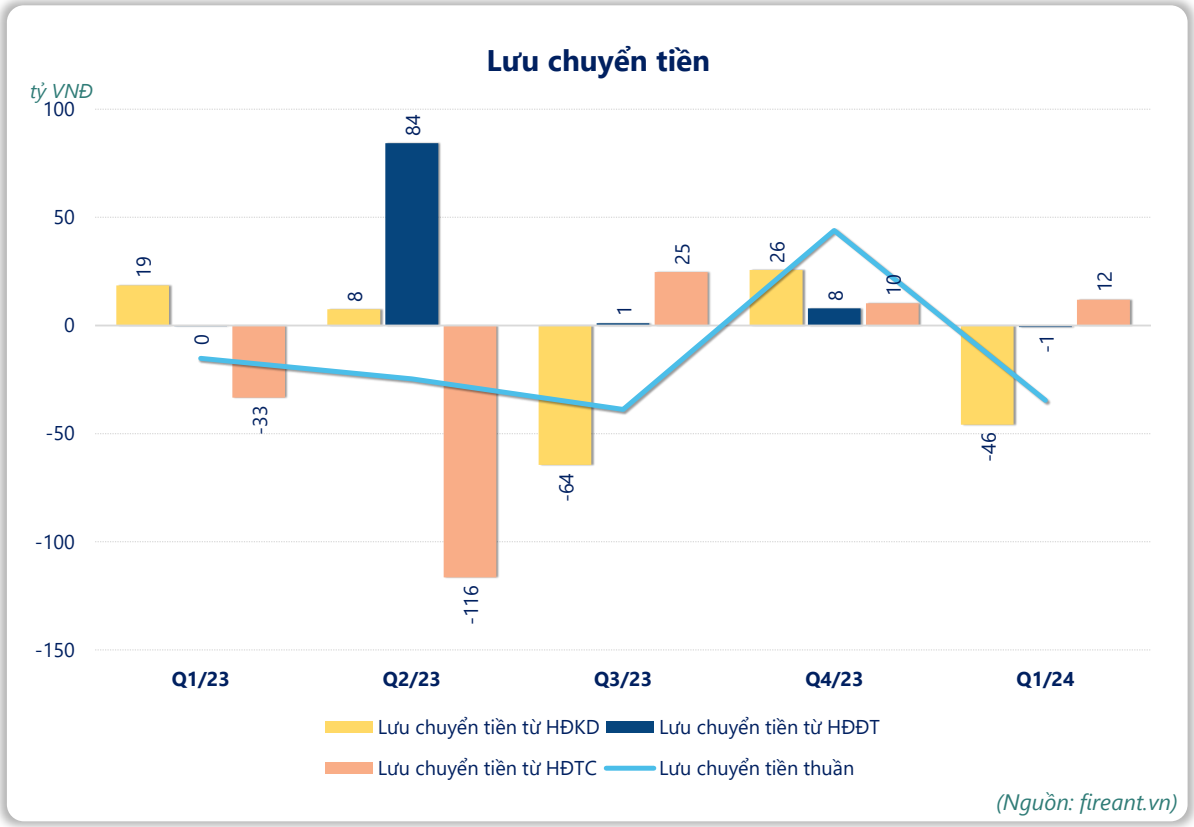


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP CIC39 (HSX: C32)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**164**	**96.8**	**69.0%**	**494**	**572**	**-13.6%**
Giá vốn hàng bán	152	84.8	79.8%	447	510	-12.4%
Lợi nhuận gộp	11.2	11.9	-6.3%	47.4	61.7	-23.2%
Doanh thu HĐTC	0.64	2.32	-72.3%	7.78	7.77	0.2%
Chi phí TC	1.96	3.60	-45.6%	14.8	21.6	-31.5%
Chi phí lãi vay	3.05	5.36	-43.1%	17.8	15.2	17.2%
LN trong công ty LKLD	**-5.98**	**0.40**	**-1594%**	**-0.03**	**8.11**	**-100%**
Chi phí bán hàng	4.61	6.02	-23.4%	27.8	22.1	25.8%
Chi phí QLDN	**4.10**	**4.51**	**-9.0%**	**40.7**	**17.4**	**135%**
LN thuần từ HĐKD	-4.86	0.54	-1000%	-28.2	16.5	-271%
Lợi nhuận khác	**0.79**	**0.15**	**424%**	**1.24**	**7.26**	**-83.0%**
LN trước thuế	-4.07	0.69	-690%	-27.0	23.8	-213%
Lợi nhuận sau thuế	**-4.07**	**0.63**	**-746%**	**-27.0**	**20.5**	**-232%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-4.07**	**0.63**	**-746%**	**-27.0**	**20.5**	**-232%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)